

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI TỪ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1539/QĐ - UBND

Đại Từ, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách xã và phân bổ ngân sách xã Đại Từ năm 2026 được HĐND cấp xã phê chuẩn

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI TỪ

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BCT ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Đại Từ về việc phân bổ dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2026 xã Đại Từ;

Căn cứ Tờ trình số 398/TTr-KT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của phòng Kinh tế về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách xã và phân bổ ngân sách xã Đại Từ năm 2026 được HĐND cấp xã phê chuẩn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách xã và phân bổ ngân sách xã năm 2026 được HĐND cấp xã phê chuẩn.

(Có các biểu số 108,109, 110,111,112 và thuyết minh kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế xã; Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tài chính tỉnh (Báo cáo);
- Văn phòng Đảng ủy;
- Văn phòng HĐND-UBND xã;
- Các phòng, ban thuộc UBND xã;
- Cổng thông tin điện tử xã Đại Từ;
- Lưu: VTUB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quang Hải

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Đại Từ)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	215.612.000.000	TỔNG SỐ CHI	215.612.000.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	18.751.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	8.885.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	8.045.000.000	II. Chi thường xuyên	202.560.000.000
III. Thu bổ sung	188.816.000.000	III. Dự phòng	3.402.000.000
- Bổ sung cân đối	109.972.000.000	IV. Chi từ nguồn 10% trích từ thu cấp quyền sử dụng đất	765.000.000
- Bổ sung có mục tiêu	78.844.000.000		
IV. Thu chuyển nguồn			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Đại Từ)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	TỔNG THU	228.981.000.000	215.612.000.000
I	Thu ngân sách trên địa bàn	40.165.000.000	26.796.000.000
1	Thu từ khu vực DNNN địa phương quản lý	35.000.000	
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	8.400.000.000	8.400.000.000
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	50.000.000	50.000.000
4	Lệ phí trước bạ	7.935.000.000	7.935.000.000
5	Thuế thu nhập cá nhân	2.345.000.000	2.345.000.000
6	Phí & lệ phí	375.000.000	195.000.000
7	Thu khác ngân sách	1.000.000.000	200.000.000
8	Thu tiền thuê đất	25.000.000	21.000.000
9	Tiền sử dụng đất	20.000.000.000	7.650.000.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	188.816.000.000	188.816.000.000
	- Thu bổ sung cân đối	109.972.000.000	109.972.000.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu	78.844.000.000	78.844.000.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Đại Từ)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	215.612.001.000	9.650.000.000	205.962.001.000
	Trong đó	-		
1	Chi quốc phòng, an ninh	6.172.000.000		6.172.000.000
2	Chi sự nghiệp giáo dục	101.248.018.000		101.248.018.000
3	Chi sự nghiệp Y tế	-		
4	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	847.000.000		847.000.000
5	Sự nghiệp văn hóa thông tin	315.000.000		315.000.000
6	Sự nghiệp truyền thanh	180.000.000		180.000.000
7	Sự nghiệp thể dục thể thao	225.000.000		225.000.000
8	Chi bảo vệ môi trường	1.792.800.000		1.792.800.000
9	Chi các hoạt động kinh tế	18.290.678.000	8.885.000.000	9.405.678.000
10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	31.489.004.000		31.489.004.000
11	Chi đảm bảo xã hội	47.263.000.000		47.263.000.000
12	Chi khác	4.387.500.000	765.000.000	3.622.500.000
13	Dự phòng	3.402.000.000		3.402.000.000

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Đại Từ)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12...	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/...	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		15.500	0	0	0	8.885	0	8.885	0
1. Tiết kiệm 5% theo Nghị quyết số 245/2025/QH15 của Quốc Hội						382		382	
2. Công trình chuyển tiếp		1.000	0	0	0	673		673	
Quy hoạch chung xã Đại Từ tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045	2025-2026	1.000				673		673	
3. Công trình khởi công mới		14.500	0	0	0	7.830	0	7.830	0
Đường GTNT xóm Bình Khang đi xóm Hòa Bình xã Đại Từ	2026-2028	6.500				5.330		5.330	
Nâng cấp, mở rộng đường GTNT các xóm trên địa bàn xã Đại Từ năm 2026	2026-2028	8.000				2.500		2.500	

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)
(Kèm theo Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Đại Từ)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025			KẾ HOẠCH NĂM 2025		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	0	0	0	0	0	0
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	0	0	0	0	0	0
-						
-						
-						
- ...						
2. Các hoạt động sự nghiệp	0	0	0	0	0	0
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+						
+ ...						
...						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi

THUYẾT MINH

(Dự toán Được Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn)

(Kèm theo Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Đại Từ)

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện luật;

Căn cứ Thông tư số 56/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ % phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Đại Từ về việc phân bổ dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2026 xã Đại Từ

Năm 2026 là năm thứ hai thực hiện hiện mô hình chính quyền 2 cấp và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, xã lần thứ 1 nhiệm kỳ 2025-2030; năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội xã Đại Từ nhiệm kỳ 2026-2030 và các Chương trình, đề án, Kế hoạch thực hiện các Đề án của tỉnh giai đoạn 2026-2030. Năm có nhiều sự kiện quan trọng như tổ chức Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 – 2031; Năm tổ chức Đại hội thể dục thể thao các cấp, diễn tập khu vực phòng thủ....

Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2026 thực hiện theo Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên;

Trên cơ sở dự toán thu chi UBND tỉnh giao, Ủy ban nhân dân xã xây dựng dự toán thu chi ngân sách năm 2026 cụ thể như sau:

I. Căn cứ xây dựng dự toán

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

Căn cứ Thông tư số 56/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính: Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Công văn số 1791/STC-QLNS ngày 15/8/2025 của Sở Tài chính Thái Nguyên về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2026-2028;

II. Nguyên tắc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

1. Dự toán thu ngân sách: Giao bằng dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho xã Đại Từ năm 2026.

2. Dự toán chi đầu tư phát triển: Giao bằng dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao và thực hiện phân bổ chi tiết từng dự án theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về việc thông qua kế hoạch đầu tư công năm 2026 xã Đại Từ.

3. Dự toán chi thường xuyên: Giao bằng dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

Ngày 14/11/2025 HĐND tỉnh Thái Nguyên ban hành Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2026, trên cơ sở số dự toán chi ngân sách năm 2026 tỉnh giao cho xã thực hiện phân bổ đúng theo từng sự nghiệp, nội dung chi tỉnh đã phân bổ cho xã đảm bảo tiết kiệm, đúng định mức, mục tiêu, nhiệm vụ giao. UBND xã báo cáo phương án phân bổ dự toán chi thường xuyên như sau:

3.1. Đối với các nhiệm chi công tác an sinh xã hội: Kinh phí thực hiện chế độ thăm hỏi động viên các gia đình thuộc diện chính sách, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ vào các ngày lễ tết; Kinh phí chi trả các chế độ bảo trợ xã hội theo NĐ 20; Tiền điện hộ nghèo hộ chính sách; Kinh phí cán bộ xã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng; Kinh phí thực hiện chế độ theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ; Trợ cấp hàng tháng cho thanh niên xung phong theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến; Kinh phí thực hiện chế độ mai táng phí cho các đối tượng theo QĐ số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của TTCP; NĐ số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ và NĐ số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung NĐ số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ; QĐ số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ; QĐ số 49/2015/QĐ - TTg ngày 14/10/2015 của TTCP; Chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (Nguồn TW)... thực hiện phân bổ bằng số tỉnh giao cho xã.

3.2. Đối với các nhiệm vụ chỉ cho các chế độ chính sách cho giáo viên và học sinh: Miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; Hỗ trợ học sinh khuyết tật theo Thông tư 42/2013; Khoản nấu ăn theo NQ số 16/2025/NQ-HĐND tỉnh; Kinh phí thực hiện hỗ trợ giáo viên dạy trẻ khuyết tật theo NĐ 28/2012/NĐ-CP; Kinh phí thực hiện hỗ trợ giáo viên dạy trẻ khuyết tật theo NĐ 28/2012/NĐ-CP... thực hiện phân bổ bằng số tỉnh giao cho xã.

3.3. Chỉ cho các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể và đơn vị sự nghiệp (Trung tâm dịch vụ tổng hợp):

- Lương và các khoản đóng góp theo lương của biên chế: Thực hiện giao quỹ lương theo hệ số lương, các khoản phụ cấp theo số lượng biên chế có mặt tại thời điểm tháng 11/2025.

- Chi khác:

- + Theo mục 2 Điều 3 Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 quy định mức tính bình quân để tính chi khác cho một xã là 40 triệu đồng/biên chế. Trong đó 40 triệu đồng/biên chế bao gồm cả kinh phí khen thưởng theo chế độ, kinh phí nâng lương thường xuyên, kinh bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, sửa chữa tài sản, mua sắm trang thiết bị; Kinh phí tuyên truyền phổ biến pháp luật.... Do vậy UBND xã đề xuất mức chi khác bình quân cho một biên chế để tính chi khác hoạt động cho các cơ quan đơn vị là 30 triệu đồng/ biên chế/năm. Còn lại 10 triệu/biên chế theo định mức của Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND giữ lại để dự phòng chi các khoản bổ sung tăng lương thường xuyên, chi sửa chữa, mua sắm tài sản phục vụ hoạt động chuyên môn...

- + Tổng chi khác cấp cho đơn vị = số biên chế có mặt x 30 triệu đồng/biên chế/năm. Các đơn vị phải thực hiện tiết kiệm 10% chi khác theo quy định của Bộ Tài chính.

3.4. Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP và Nghị định 173/2025/NĐ -CP:

- Lương và các khoản đóng góp theo lương của hợp đồng: Thực hiện giao quỹ lương theo hệ số lương, các khoản phụ cấp của hợp đồng được hưởng tại thời điểm tháng 11/2025.

- Tổng Chi khác cấp cho đơn vị = số lao động có mặt x 10 triệu đồng/người /năm. Các đơn vị phải thực hiện tiết kiệm 10% chi khác theo quy định của Bộ Tài chính.

3.5. Đối với định mức phân bổ kinh phí cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở xóm tổ dân phố người trực tiếp tham gia hoạt động ở xóm, thôn, tổ dân phố năm 2026 thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

3.6. Đối với kinh phí chi trả thù lao hàng tháng đối với thành viên đội công tác xã hội tình nguyện cấp xã: Đội trưởng được hưởng mức thù lao hệ số 0,5 mức lương cơ sở; Đội phó được hưởng mức thù lao hệ số 0,4 mức lương cơ sở; Các thành viên còn lại được hưởng mức thù lao hệ số 0,3 mức lương cơ sở.

Trường hợp các chức danh Đội trưởng, Đội phó và các thành viên đội công tác xã hội tình nguyện cấp xã là cán bộ, người hoạt động không chuyên trách cấp xã kiêm nhiệm thì được hưởng 50% mức thù lao tương ứng nêu trên.

3.7. Kinh phí thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”:

Phân bổ theo đúng định mức chi quy định tại Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh. Cụ thể: Đối với xã: 30 triệu đồng/năm/xã; Đối với Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư: 8 triệu đồng/khu dân cư/năm. Và phải thực hiện tiết kiệm chi 10% theo quy định của Bộ Tài chính.

3.8. Định mức phân bổ kinh phí hoạt động các đoàn thể ở cấp xã:

Phân bổ theo đúng định mức chi quy định tại Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh. Cụ thể: Mặt trận tổ quốc: 60 triệu /năm; Các đoàn thể (thanh niên, Phụ nữ, nông dân, cựu chiến binh): 50 triệu/ đoàn thể/năm. Và phải thực hiện tiết kiệm chi 10% theo quy định của Bộ Tài chính.

3.9. Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát cộng đồng:

Phân bổ theo đúng định mức chi quy định tại Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh. Cụ thể: Ban thanh tra nhân dân 20 triệu đồng/năm; Ban giám sát cộng đồng 40 triệu/ năm. Và phải thực hiện tiết kiệm chi 10% theo quy định của Bộ Tài chính.

3.10. Thù lao hàng tháng đối với người giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội có tính chất đặc thù cấp xã: Chủ tịch hội cấp xã hưởng mức thù lao hệ số 0,9 mức lương cơ sở. Ngoài ra hỗ trợ hoạt động 5 triệu đồng/hội/năm.

3.11. Đối với phần kinh phí để chi các nhiệm vụ đặc thù, các chế độ quy định theo phân cấp (Bao gồm kinh phí hỗ trợ hoạt động Đảng uỷ cấp xã, kinh phí hỗ trợ công tác Đảng, Kinh phí hoạt động Hội đồng nhân dân và UBND cấp xã, kinh phí hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã) theo mục e1, khoản 2, điều 3, tổng kinh phí của HĐND tỉnh quy định: 1.300 triệu đồng và phải thực hiện tiết kiệm chi 10% theo quy định của Bộ Tài chính. UBND xã dự kiến phương án phân bổ như sau:

- + Đảng uỷ và UBND xã: 35% tổng định mức phân bổ trên/đơn vị.
- + Hội đồng nhân dân: 20% tổng định mức phân bổ trên.
- + Trung tâm hành chính công: 10% tổng định mức phân bổ trên.

3.12. Đối với sự nghiệp giáo dục

- Kinh phí chi cho biên chế:

+ Lương và các khoản đóng góp theo lương của biên chế: Thực hiện giao quỹ lương theo hệ số lương, các khoản phụ cấp theo số lượng biên chế có mặt tại thời điểm tháng 11/2025.

+ Mức chi khác tính bình quân cho 1 biên chế: Từ 20 biên chế trở xuống mức giao 17 triệu đồng/ người; Từ 21-24 biên chế mức giao 16,5 triệu

đồng/người; Từ 25-29 biên chế mức giao 15,5 triệu đồng/người; Từ 30-34 biên chế mức giao 15 triệu đồng/người; Từ 35 biên chế trở lên mức giao 14,7 triệu đồng/người x với số biên chế có mặt. Kinh phí này phải thực hiện tiết kiệm chi 10% theo quy định của Bộ Tài chính.

- Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP và hợp đồng khoán theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Đảm bảo đủ tiền lương, tiền công lao động theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt số lượng định mức khoán đối với các trường mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên; số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ thuộc lĩnh vực giáo dục;

+ Đối với chi hoạt động thường xuyên:

Phân bổ theo đúng định mức chi quy định tại Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh. Cụ thể: Hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP: Hỗ trợ 03 triệu đồng/ hợp đồng/năm học. Hợp đồng khoán giảng dạy: 03 triệu đồng/10 định mức/năm học.

- **Đối với Trung tâm học tập cộng đồng:** Phân bổ theo đúng định mức chi quy định tại Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh: 35 triệu đồng/năm.

3.13. Đối với sự nghiệp khác (Sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp môi trường, Sự nghiệp văn hóa – thể thao – phát thanh truyền thanh, sự nghiệp đảm bảo xã hội, chi khác, an ninh, quốc phòng...): Thực hiện phân bổ các nhiệm vụ chi cho các đơn vị đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả đúng các nhiệm vụ được chi theo các văn bản hướng dẫn của TW, tỉnh gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, các chương trình đề án giai đoạn 2026-2030 của xã và không được vượt quá tổng kinh phí Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giao cho từng sự nghiệp tại Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND.

3.14. Chi diễn tập khu vực phòng thủ: Giao bằng số tỉnh giao cho xã Đại Từ.

3.15. Dự phòng ngân sách: Giao bằng số tỉnh giao cho xã Đại Từ.

3.16. Đối với Kinh phí tổ chức Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 – 2031; Năm tổ chức Đại hội thể dục thể thao các cấp: Dự toán đầu năm 2026 tỉnh chưa giao cho địa phương; kinh phí này được giao bổ sung có mục tiêu dự kiến trong quý 1 năm 2026. UBND xã thực hiện phân bổ sau khi ngân sách tỉnh bổ sung cho địa phương.

III. Dự toán ngân sách năm 2026

1. Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn

* Thu cân đối NSNN năm 2026 là 40.165.000.000 đồng (bằng với tỉnh giao). Trong đó thu cân đối ngân sách nhà nước không bao gồm thu cấp quyền sử dụng đất là 20.165.000.000 đồng.

Cụ thể các khoản thu sau:

+ Thu từ doanh nghiệp địa phương: 35.000.000 đồng.

- + Thuế ngoài quốc doanh: 8.400.000.000 đồng.
- + Thuế thu nhập cá nhân: 2.345.000.000 đồng.
- + Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 50.000.000 đồng.
- + Thu tiền cấp quyền sử dụng đất là 20.000.000.000 đồng
- + Thu tiền thuê đất: 25.000.000 đồng
- + Thu phí, lệ phí dự toán: 375.000.000 đồng.
- + Lệ phí trước bạ dự toán: 7.935.000.000 đồng.
- + Thu khác ngân sách: 1.000.000.000 đồng.

(Có biểu chi số 02 tiết kèm theo)

2. Chi ngân sách xã

2.1. Tổng nguồn để chi năm 2026 là: 215.612.000.000 đồng. Trong đó:

+ Thu cân đối ngân sách xã được hưởng theo phân cấp: 26.796.000.000 đồng.

+ Thu trợ cấp ngân sách tỉnh: 188.816.000.000 đồng.

2.2. Dự toán chi ngân sách năm 2026 là: 215.612.000.000 đồng.

Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển là: 8.885.000.000 đồng
- Chi thường xuyên là: 202.560.000.000 đồng.
- Chi dự phòng ngân sách: 3.402.000.000 đồng.
- Chi từ nguồn 10% trích từ thu cấp quyền sử dụng đất: 765.000.000 đồng

(Có biểu chi tiết số 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09 kèm theo)